

Số: /KH-THBP

Tân Hồng, ngày 13 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 - 2023

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

- Hướng dẫn số 970/HD-PGDĐT ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2022 - 2023 đối với giáo dục Mầm non và giáo dục phổ thông;

- Hướng dẫn số 1087/HD-PGD&ĐT ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Phòng GD&ĐT huyện Tân Hồng về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học huyện Tân Hồng năm học 2022-2023;

- Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025;

- Nghị quyết Chi bộ nhà trường nhiệm kỳ 2022-2025.

- Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ nhà trường năm học 2021-2022 và tình hình thực tế của nhà trường. Trường tiểu học Bình Phú xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2022-2023 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2022 - 2023

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

1.1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm, lãnh chỉ đạo của Phòng GDĐT huyện Tân Hồng; Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND xã Bình Phú.

- Trường Tiểu học Bình Phú thuộc xã Bình Phú, là một xã vùng sâu biên giới. Kinh tế chủ yếu là nông nghiệp trồng lúa, chăn nuôi trâu bò và thủy sản. Đời sống người dân ổn định.

- Trường có 2 điểm, điều kiện đi lại của người dân thuận tiện, nhất là điều kiện đi lại từ nhà đến trường, đường sá được bê tông hóa.

- Phong trào xây dựng xã hội học tập luôn được địa phương quan tâm và được cấp trên kiểm tra công nhận hàng năm. Xã Bình Phú đạt xã nông thôn mới năm 2022 nên được Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trong đó tập trung công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia. Điều kiện cho con em đến trường được cha mẹ học sinh quan tâm.

- Đơn vị có sự đồng hành, của các ban ngành, đoàn thể địa phương, ban nhân dân các ấp, đặc biệt là việc phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, của lớp và luôn có sự quan tâm chăm lo của toàn thể cha mẹ học sinh, quý mạnh thường quân, các nhà hảo tâm rất tích cực đóng góp tài trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhà trường, tặng quà, học bổng... cho học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

1.2. Khó khăn

- Địa bàn các tuyến thuộc khu vực tuyển sinh và huy động học sinh ra lớp được phân bổ cho đơn vị rất rộng, tiếp giáp với nhiều địa phương trong huyện (gồm: xã Tân Hộ Cơ, xã Tân Công Chí, Thị trấn Sa Rài). Ngoài ra trên địa bàn cũng có nhiều gia đình học sinh định cư ở địa phương không ổn định nên có nhiều học sinh chuyển đi, chuyển đến ảnh hưởng không nhỏ đến việc duy trì sĩ số học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

- Địa bàn xã, huyện nơi các em sinh sống hầu như không có danh lam thắng cảnh gì nổi tiếng, không có nhiều di tích lịch sử, nghệ thuật truyền thống, không có làng nghề gì nổi bật... nên việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế cho học sinh gặp không ít khó khăn.

- Một số cha mẹ học sinh đi làm ăn xa, phải gửi con cho ông bà, ngoài chăm sóc và cho đi học cho nên ảnh hưởng không nhỏ đến việc quan tâm chăm sóc, giáo dục tại gia đình.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2022 - 2023

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

a) Số liệu

Khối lớp	Số lớp	Học sinh		Tỉ lệ HS/ lớp	Số HS khuyết tật	Hộ nghèo, cận nghèo; GD chính sách	HS học 2 buổi/ ngày	HS bán trú
		Tổng số	Nữ					
Một	4	91	49	23	0	35	91	0
Hai	4	95	49	24	1	24	95	0
Ba	4	96	37	24	1	20	96	0
Bốn	4	92	41	23	1	38	92	0
Năm	5	118	65	23	1	34	118	0
Cộng	21	492	241	23	4	151	492	0

b) Nhận xét

Tổng số học sinh toàn trường là **492 em**, trong đó có **241** học sinh nữ chiếm tỉ lệ 48,98%, so với năm học trước số học sinh giảm **13 em**. Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi **chiếm 454/492 em** chiếm tỉ lệ **92,28%**. Năm học này trường thực hiện 100% học sinh học 2 buổi/ngày. Do nhu cầu cha mẹ học sinh không có nhu cầu nên trường không triển khai thực hiện bán trú cho học sinh.

Năm học 2021 - 2022: Tổng số học sinh xét hoàn thành chương trình lớp học là 503/505 tỉ lệ 99,60%, Số học sinh Chưa hoàn thành chương trình lớp học 02/505 chiếm tỉ lệ 0,40%, Tổng số học sinh xét Hoàn thành chương trình tiểu học là 105/105, tỉ lệ 100%. Có 37 học sinh năng khiếu tham gia các phong trào hội thi, Hội khỏe Phù Đổng đạt cấp huyện, cấp tỉnh.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên (GV), nhân viên (NV), cán bộ quản lý (CBQL)

a) Số liệu

TT	Đội ngũ	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo							
				Thạc sỹ		Đại học		Cao đẳng		Dưới CĐ	
				SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	CBQL	3	0	0	0	3	100	0	0	0	0
2	GV tiểu học	21	10	1	4,76	20	95,2	0	0	0	0
3	GV dạy chuyên	8	3	0	0	8	100	0	0	0	0
4	GV TPT Đội	1	1	0	0	1	100	0	0	0	0
5	Nhân viên	6	3	0	0	2	33,33	0	0	4	66,67
Cộng		39	17	1	2,56	34	87,18	0	0	4	10,26

Tỉ lệ giáo viên/lớp: 30/21 (1,42 GV/lớp).

b) Nhận xét

Tổng số cán bộ quản lý của trường gồm 3 đồng chí đều có trình độ Đại học và Trung cấp chính trị, đã qua Bồi dưỡng cán bộ quản lý. Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có kinh nghiệm nhiều năm làm quản lý trường học, có năng lực tốt, linh hoạt, dám nghĩ dám làm và dám chịu trách nhiệm trong công việc chung. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, sẵn sàng hỗ trợ giáo viên trong việc đổi mới phương pháp dạy học.

Tổng số giáo viên của trường là 30 giáo viên, có 30/30 giáo viên (chiếm tỉ lệ 100 %) đạt trình độ Đại học trở lên (có 1 giáo viên có trình độ thạc sĩ). Có 4/30 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp Tỉnh (tỉ lệ 13,33%); giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp Huyện có 25/30 (chiếm tỉ lệ 86,2%). Trường có đầy đủ các

giáo viên chuyên được đào tạo chính quy để giảng dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Giáo dục thể chất, Tin học thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học một cách chủ động và hiệu quả. Tập thể giáo viên có tuổi nghề cao, đa số đều năng nổ, tích cực đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Đội ngũ nhân viên của nhà trường đủ về số lượng (1 kế toán, 1 văn thư, 1 Y tế học đường kiêm nhiệm thủ quỹ, 1 thư viện - thiết bị, 1 bảo vệ và 1 tạp vụ), Tất cả nhân viên đều đảm bảo về trình độ đào tạo, tích cực trong công tác, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

a) Số liệu

- Cơ sở vật chất

TT	Điểm trường	Số phòng		Số lớp		Số HS	Số lớp 2 buổi/ngày (số HS)	Số lớp bán trú
		P. học	P. chức năng	Lớp đơn	Lớp ghép			
1	Điểm chính	10	8	10	0	291	291	0
2	Điểm lẻ 1	13	10	13	0	201	201	0
Cộng		23	18	23	0	492	492	0

- Thiết bị dạy học

TT	Thiết bị dạy học (môn/khối lớp)	SL hiện có	Đủ	Thiếu	Ghi chú
1	Khối lớp 1	4	X		
2	Khối lớp 2	4	X		
3	Khối lớp 3	2		X	
4	Khối lớp 4	2		X	
5	Khối lớp 5	2		X	
6	Ti vi màn hình lớn	13		X	Mỗi phòng học 1 chiếc
7	Phòng máy tính dạy Tin học	40 bộ	X		
8	Phòng học Tiếng Anh	2	X		

b) Nhận xét

Đơn vị có 2 điểm trường, Điểm Chính đóng trên địa bàn Ấp Gò Da, gần trung tâm huyện Tân Hồng; Điểm lẻ đóng trên địa bàn Ấp Công Tạo, cách Điểm Chính 2 km. Nhà trường có 23 phòng học đảm bảo 100 % dạy học 2 buổi/ngày.

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện Tiên tiến. Mỗi điểm có 1 thư viện xanh trên sân trường rất thuận tiện cho việc đọc sách của giáo viên và học sinh. Đơn vị có 1 phòng thiết bị. Số phòng chức năng của đơn vị đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học, hiện đơn vị chỉ có 2 phòng học Tiếng Anh, 2 phòng dạy học Tin học với 40 bộ máy tính..., hệ thống máy tính được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy. Trường có 2 phòng Âm nhạc, Mĩ thuật có bãi tập, Có 1 sân bóng đá mi ni, 1 hồ bơi. Trường chưa có nhà đa năng.

Số thiết bị của nhà trường cơ bản đủ cho khối lớp 1 mỗi lớp có 1 bộ thiết bị dùng chung, tuy nhiên các bộ đồ dùng, thiết bị dạy học ở các khối lớp 3, 4, 5 qua nhiều năm sử dụng cũng bị hư hỏng, hao mòn cần phải sửa chữa, bổ sung thêm. Riêng thiết bị lớp 2 chương trình giáo dục phổ thông mới chưa được cung cấp. Tất cả giáo viên đều khai thác, sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học sẵn có và quan tâm tự làm các thiết bị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy. Trường đã lắp đặt được 13 màn hình ti-vi cho 13 phòng học góp phần giúp giáo viên giảng dạy và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

2.4. Sách giáo khoa được lựa chọn và sử dụng tại đơn vị

a) Đối với lớp 1, sử dụng bộ sách giáo khoa lớp 1 - Bộ Chân trời sáng tạo (Tiếng Việt 1-Tập 1, Tiếng Việt 1-Tập 2, Toán 1-Tập 1, Toán 1-Tập 2, Đạo đức 1, Tự nhiên và Xã hội 1 và Hoạt động trải nghiệm 1, Giáo dục thể chất 1, Âm nhạc 1, Mĩ thuật 1, Tiếng Anh 1 - Tác giả Hoàng Văn Vân.

b) Đối với lớp 2, sử dụng bộ sách giáo khoa lớp 2 - Bộ Chân trời sáng tạo, do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành, cụ thể: Tiếng Việt 2-Tập 1, Tiếng Việt 2-Tập 2, Toán 2-Tập 1, Toán 2-Tập 2, Đạo đức 2, Tự nhiên và Xã hội 2, Giáo dục thể chất 2, Âm nhạc 2, Mĩ thuật 2 và Hoạt động trải nghiệm 2, Tiếng Anh 2 - Tác giả Hoàng Văn Vân.

c) Đối với lớp 3, sử dụng bộ sách giáo khoa lớp 3 - Bộ Chân trời sáng tạo, do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành, cụ thể: Tiếng Việt 3-Tập 1, Tiếng Việt 3-Tập 2, Toán 3-Tập 1, Toán 3-Tập 2, Đạo đức 3, Tự nhiên và Xã hội 3, Giáo dục thể chất 3, Âm nhạc 3, Mĩ thuật 3 và Hoạt động trải nghiệm 3, Tin học 3, Công nghệ 3, Tiếng Anh 3 - Tác giả Hoàng Văn Vân.

d) Đối với lớp 4, 5 sử dụng bộ sách giáo khoa do Bộ GDĐT biên soạn, cụ thể:

- Lớp 4: Tiếng Việt 4-Tập 1, Tiếng Việt 4-Tập 2, Toán 4, Đạo đức 4, Khoa học 4, Lịch sử và Địa lí 4, Âm nhạc 4, Mĩ Thuật 4, Kỹ thuật 4, Tin học 4, Tiếng Anh 4 - Tác giả Hoàng Văn Vân.

- Lớp 5: Tiếng Việt 5-Tập 1, Tiếng Việt 5-Tập 2, Toán 5, Đạo đức 5, Khoa học 5, Lịch sử và Địa lí 5, Âm nhạc 5, Mĩ Thuật 5, Kỹ thuật 5, Tin học 5, Tiếng Anh 4 - Tác giả Hoàng Văn Vân.

3. Đánh giá chung

3.1. Thuận lợi

- Năm học 2022-2023 năm học thứ ba triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được xây dựng theo hướng mở, đảm bảo định hướng thống nhất và những nội dung giáo dục cốt lõi bắt buộc đối với học sinh toàn quốc, đồng thời trao quyền chủ động và trách nhiệm cho địa phương, nhà trường trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với đối tượng giáo dục và điều kiện của địa phương, của nhà trường, góp phần đảm bảo kết nối hoạt động của nhà trường và gia đình, chính quyền và xã hội.

- Đảng và nhà nước coi giáo dục là quốc sách hàng đầu và có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục. Có các chủ trương đúng đắn, phù hợp với giáo dục trong giai đoạn hiện nay. Các cấp lãnh đạo đã ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, kịp thời, cụ thể.

- Trình độ dân trí cao, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường

- Yêu cầu về chất lượng giáo dục của học sinh và cha mẹ học sinh ngày càng cao. 85% cha mẹ học sinh đã quan tâm đến việc học của con em và tạo điều kiện thuận lợi cho con em được học tập, luôn đồng thuận và ủng hộ, đồng thuận cao với mọi kế hoạch giáo dục của nhà trường.

- Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

3.2. Khó khăn

- Trong thời kỳ hội nhập và phát triển, yêu cầu đòi hỏi của xã hội và gia đình học sinh ngày càng cao về chất lượng giáo dục.

- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phải đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ phải biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.

- Năm học 2022-2023 là năm học tiếp theo thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhiệm vụ của nhà trường là phải cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại.

- Để đạt được các mục tiêu lớn của chương trình giáo dục phổ thông 2018, cần phải có đầy đủ các yếu tố về CSVC, về con người nhưng cả hai nội dung này các cơ sở giáo dục đang hoàn toàn phụ thuộc vào chính quyền các cấp: xã, huyện, tỉnh.

- Các tổ chuyên môn đa phần sinh hoạt theo hướng truyền thống, chưa thật sự đi sâu vào nghiên cứu bài học.

- Thừa thiếu cục bộ giáo viên, đời sống gia đình một số giáo viên còn khó khăn. Trình độ chuyên môn chưa đồng đều.

- Năng lực tiếp thu của học sinh không đồng đều, một số ít học sinh còn ham chơi, nghiện game. Hoàn cảnh gia đình của một số em còn khó khăn, thiếu sự quan tâm của phụ đến việc học của con cái.

- Còn 04 giáo viên còn hạn chế về khả năng sử dụng CNTT trong dạy học nhất là sử dụng giáo án điện tử.

- Có 25 học sinh học sinh nghèo, chiếm tỉ 5,3 % học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ đi làm ăn xa, chưa mạnh dạn tự tin và tích cực trong học tập.

3.3. Những yếu tố tác động từ đặc điểm địa phương đến việc tổ chức thực hiện chương trình phổ thông 2018

- Trường được đầu tư xây dựng khá khang trang và trang bị CSVC khá đầy đủ.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh quan tâm, hỗ trợ kịp thời cho nhà trường trong việc vận động xã hội hoá giáo dục hàng năm để xây dựng cơ sở vật chất, hỗ trợ học sinh nghèo,...

- Xã hội phát triển về mặt tích cực trong cơ chế thị trường nhưng tiềm ẩn về các tệ nạn xã hội cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc rèn luyện đạo đức; ý thức, động cơ, thái độ học tập của học sinh.

- Công nghệ thông tin phát triển tạo thuận lợi cho việc dạy và học, tuy nhiên cũng tác động không nhỏ đến việc nghiện game của một bộ phận học sinh.

- Số lượng học sinh chuyển trường sang học những nơi có điều kiện hỗ trợ tốt hơn, đây cũng là thách thức không nhỏ trong việc phát triển quy mô trường lớp trong thời gian tới đặc biệt ở điểm 2 lượng học sinh trong độ tuổi quá ít.

3.4. Điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường

- Trường đang được đầu tư xây dựng mới, nên cơ bản chỉ đáp ứng được cơ sở vật chất, trang thiết bị, phục vụ cho việc giảng dạy.

- Chất lượng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu phát triển nhà trường; tổ chức khá tốt các hoạt động trải nghiệm sáng tạo; phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo viên giỏi... làm nền tảng phát triển vững chắc trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2022 - 2023

1. Mục tiêu chung

1.1. Năm học 2022-2023 là năm học toàn ngành giáo dục thực hiện nhiệm vụ kép với mục tiêu: vừa tích cực thực hiện các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp; Nhà trường căn cứ các hướng dẫn của Phòng GDĐT xây dựng kế hoạch dạy học bảo đảm hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh xảy ra tại địa phương. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT (CT GDPT hiện hành); Là năm học tiếp theo triển khai CTGDPT 2018 cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (CTGDPT 2018) đối với lớp 1, 2 và 3; thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.

1.2. Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện CTGDPT đối với lớp 1, 2 và 3; thực hiện rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục và bố trí quỹ đất để xây dựng CSVC lớp học phù hợp, thuận lợi, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; khắc phục tình trạng lớp có quy mô lớp học và sĩ số học sinh vượt quá quy định để thực hiện CTGDPT 2018 đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

1.3. Triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1,2 và 3 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tích cực chuẩn bị các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện chương trình đối với lớp 4 từ năm học 2023-2024. Tiếp tục thực hiện hiệu quả CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (CTGDPT 2006) từ lớp 4, lớp 5.

1.4. Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp; thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 theo lộ trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 4 về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 4 cho năm học 2023-2024.

1.5. Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp,

hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị hoạt động giáo dục của nhà trường; đảm bảo tính dân chủ, công khai, thống nhất giữa các tổ chức trong nhà trường; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

2. Chỉ tiêu cụ thể (Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học đối với từng khối lớp; số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học)

- Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực HS

+ Khối 1

Phẩm chất/ năng lực	TS HS	Khối 1						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Yêu nước	91	80	87,91	11	12,09	0	0	PC
Nhân ái	91	81	89,01	10	10,99	0	0	PC
Chăm chỉ	91	84	92,31	7	7,69	0	0	PC
Trung thực	91	83	91,21	8	8,79	0	0	PC
Trách nhiệm	91	82	90,11	9	9,89	0	0	PC
Tự chủ và tự học	91	83	91,21	8	8,79	0	0	NLC
Giao tiếp và hợp tác	91	84	92,31	7	7,69	0	0	NLC
GQVĐ và sáng tạo	91	82	90,11	9	9,89	0	0	NLC
Ngôn ngữ	91	71	78,02	18	19,78	2	2,20	NLĐT
Tính toán	91	72	79,12	17	18,68	2	2,20	NLĐT
Thẩm mỹ	91	78	85,71	13	14,29	0	0	NLĐT
Thể chất	91	79	86,81	12	13,19	0	0	NLĐT

+ Khối 2

Phẩm chất/ năng lực	TSHS	Khối 2						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Yêu nước	95	88	92,63	7	7,39	0	0	PC
Nhân ái	95	89	93,68	6	6,32	0	0	PC
Chăm chỉ	95	87	91,58	8	8,42	0	0	PC

Trung thực	95	89	93,68	6	6,32	0	0	PC
Trách nhiệm	95	88	92,63	7	7,37	0	0	PC
Tự chủ và tự học	95	90	94,74	5	5,26	0	0	NLC
Giao tiếp và hợp tác	95	88	92,63	7	7,37	0	0	NLC
GQVĐ và sáng tạo	95	89	93,68	6	6,32	0	0	NLC
Ngôn ngữ	95	82	86,32	12	12,63	1	1,05	NLĐT
Tính toán	95	84	88,42	10	10,53	1	1,05	NLĐT
Thâm mĩ	95	87	91,58	8	8,42	0	0	NLĐT
Thể chất	95	86	90,53	9	9,47	0	0	NLĐT

+ Khối 3

Phẩm chất/ năng lực	TSHS	Khối 3						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Yêu nước	96	82	86,32	14	13,682	0	0	PC
Nhân ái	96	82	86,32	14	13,682	0	0	PC
Chăm chỉ	96	80	84,21	16	15,79	0	0	PC
Trung thực	96	86	90,53	10	9,47	0	0	PC
Trách nhiệm	96	90	94,74	6	5,26	0	0	PC
Tự chủ và tự học	96	78	82,11	18	17,89	0	0	NLC
Giao tiếp và hợp tác	96	83	87,37	13	12,63	0	0	NLC
GQVĐ và sáng tạo	96	81	85,26	15	14,74	0	0	NLC
Ngôn ngữ	96	72	75,79	19	18,95	5	5,26	NLĐT
Tính toán	96	75	78,95	16	15,79	5	5,26	NLĐT
Thâm mĩ	96	74	77,89	22	22,11	0	0	NLĐT
Thể chất	96	78	82,11	18	17,89	0	0	NLĐT

+ Khối 4

Năng lực/ Phẩm chất	TSHS	Khối 4						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Tự phục vụ, tự quản	92	84	91,30	8	8,70	0	0	NL
Hợp tác	92	86	93,48	6	6,52	0	0	NL
Tự học, GQVĐ	92	84	91,30	8	8,70	0	0	NL
Chăm học, chăm làm	92	84	91,30	8	8,70	0	0	PC
Tự tin, trách nhiệm	92	80	86,96	12	13,04	0	0	PC
Trung thực kỉ luật	92	82	89,13	10	10,87	0	0	PC
Đoàn kết, yêu thương	92	83	90,22	9	9,78	0	0	PC

+ Khối 5

Năng lực/ Phẩm chất	TSHS	Khối 5						Ghi chú
		Tốt		Đạt		Cần cố gắng		
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	
Tự phục vụ, tự quản	118	111	94,07	7	5,93	0	0	NL
Hợp tác	118	109	92,37	9	7,63	0	0	NL
Tự học, GQVĐ	118	106	89,83	12	10,17	0	0	NL
Chăm học, chăm làm	118	103	87,29	15	12,71	0	0	PC
Tự tin, trách nhiệm	118	106	89,83	12	10,17	0	0	PC
Trung thực kỉ luật	118	109	92,37	9	7,63	0	0	PC
Đoàn kết, yêu thương	118	112	94,92	6	5,08	0	0	PC

- Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục**+ Khối 1**

TT	Môn học và	TSHS	Khối 1
----	------------	------	--------

	hoạt động giáo dục		HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tiếng Việt	91	49	53,85	37	40,66	5	5,49
2	Toán	91	53	58,24	34	37,36	4	4,40
3	Ngoại ngữ 1	91	0	0	0	0	0	0
4	Tự nhiên và XH	91	67	73,63	24	26,37	0	0
5	GD thể chất	91	69	75,82	22	24,18	0	0
6	Âm nhạc	91	61	67,03	30	32,97	0	0
7	Mĩ thuật	91	61	67,03	30	32,97	0	0
8	HĐ trải nghiệm	91	71	78,02	20	21,98	0	0
9	Đạo đức	91	76	83,52	15	16,48	0	0

+ Khối 2

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 2					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tiếng Việt	95	50	52,63	44	46,32	1	1,05
2	Toán	95	53	55,79	41	43,16	1	1,05
3	Ngoại ngữ 1	95	48	50,53	47	49,47	0	0
4	Đạo đức	95	83	87,37	12	12,63	0	0
5	Tự nhiên và XH	95	86	90,53	9	9,48	0	0
6	GD thể chất	95	86	90,53	9	9,47	0	0
7	Âm nhạc	95	88	92,63	7	7,37	0	0
8	Mĩ thuật	95	85	89,47	10	10,53	0	0
9	HĐ trải nghiệm	95	88	92,63	7	7,37	0	0

+ Khối 3

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 3					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL

1	Tiếng Việt	96	51	53,125	45	46,875	0	0
2	Toán	96	60	62,5	36	37,5	0	0
3	Tự nhiên và XH	96	80	83,33	16	16,67	0	0
4	Đạo đức	96	84	87,5	12	12,5	0	0
5	Công nghệ	96	84	87,5	12	12,5	0	0
6	Mĩ thuật	96	73	76,04	23	23,96	0	0
7	Âm nhạc	96	81	84,37	15	15,63	0	0
8	GD thể chất	96	78	81,25	18	18,75	0	0
9	Tiếng Anh	96	43	44,79	53	55,21	0	0
10	Tin học	96	45	46,88	51	53,12	0	0
11	HD trải nghiệm	96	80	83,33	16	16,67	0	0

+ Khối 4

TT	Môn học và hoạt động giáo dục	TSHS	Khối 4					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tiếng Việt	92	50	54,35	42	45,65	0	0
2	Toán	92	52	56,52	40	43,48	0	0
3	Khoa học	92	62	67,39	30	32,61	0	0
4	Lịch sử - Địa lí	92	67	72,83	25	27,17	0	0
5	Đạo đức	92	82	89,13	10	10,87	0	0
6	Kĩ thuật	92	75	81,52	17	18,48	0	0
7	Mĩ thuật	92	83	90,22	9	9,78	0	0
8	Âm nhạc	92	80	86,96	12	13,04	0	0
9	Thể dục	92	75	81,52	17	18,48	0	0
10	Anh văn	92	40	43,48	52	56,52	0	0
11	Tin học	92	45	48,91	47	51,09	0	0

+ Khối 5

TT	Môn học và hoạt	TSHS	Khối 5		
			HT tốt	Hoàn thành	Chưa HT

	động giáo dục		SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tiếng Việt	118	52	44,07	66	55,93	0	0
2	Toán	118	70	59,32	48	40,68	0	0
3	Khoa học	118	95	80,51	23	19,49	0	0
4	Lịch sử - Địa lí	118	90	76,27	28	23,73	0	0
5	Đạo đức	118	103	87,29	15	12,71	0	0
6	Kỹ thuật	118	100	84,75	18	15,25	0	0
7	Mĩ thuật	118	97	82,20	21	17,80	0	0
8	Âm nhạc	118	95	80,51	23	19,49	0	0
9	Thể dục	118	94	79,66	24	20,34	0	0
10	Anh văn	118	55	46,61	63	53,39	0	0
11	Tin học	118	59	50	59	50	0	0

- Chỉ tiêu về kết quả giáo dục

+ Khối 1, khối 2 và khối 3

TT	Khối/ Lớp	TSHS	Kết quả giáo dục khối 1, khối 2 và khối 3							
			HT xuất sắc		HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Một	91	31	34,07	27	29,67	28	30,77	5	5,49
2	Hai	95	34	35,79	28	29,47	29	30,53	4	4,21
3	Ba	96	30	31,25	33	34,38	33	34,38	0	0
Tổng		282	95	33,69	88	31,21	90	31,91	9	3,19

+ Khối 4 và khối 5

TT	Khối/ Lớp	TSHS	Kết quả giáo dục khối 4 và khối 5					
			HT tốt		Hoàn thành		Chưa HT	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Bốn	92	47	51,09	45	48,91	0	0
2	Năm	118	60	50,85	58	49,15	0	0
Tổng		210	107	50,95	103	49,05	0	0

- Chỉ tiêu về các phong trào hội thi :

Tổ chức và tham gia đầy đủ các phong trào hội thi các cấp đạt hiệu quả:

+ Phần đầu tham gia giao lưu cấp tiểu học cấp huyện đều đạt giải Ba trở lên ở tất cả các nội dung, có 02 học sinh đạt giải Hùng biện Tiếng Anh cấp huyện.

+ Phần đầu tham gia và đạt 01 giải Cuộc thi Sáng tạo kỹ thuật Thanh thiếu niên Nhi đồng huyện Tân Hồng năm 2022, có sản phẩm tham gia và đạt giải cấp tỉnh.

- Tham mưu với ủy ban nhân dân xã xét nhận hồ sơ cho 2 học sinh khuyết tật của trường, những học sinh còn gặp khó khăn trong học tập được hỗ trợ để đạt yêu cầu.

- Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, huy động 100% học sinh tham gia với kết quả tốt.

- Huy động trẻ 6 tuổi (sinh năm 2016) trong địa bàn vào lớp 1: 86/86 em

- Tạo điều kiện cho giáo viên gia hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp huyện, phân đầu có 1 giáo viên tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

- Khuyến khích và phân công giáo viên giúp đỡ 05 đồng chí còn hạn chế về Tin học tham gia soạn giảng giáo án điện tử phục vụ công tác dạy - học.

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

(Phụ lục 1.1 kèm theo)

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

(Phụ lục 1.2 kèm theo)

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học

(Phụ lục 1.3 kèm theo)

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

- Phân công đồng chí Nguyễn Văn Hương, phó Hiệu trưởng phụ trách điểm Gò Da. Đồng chí Đào Quốc Tuấn, phó Hiệu trưởng phụ trách điểm Gò Chùa. Hai phó Hiệu trưởng phụ trách 2 điểm tham mưu cho Hiệu trưởng và phối hợp với giáo viên chủ động, linh hoạt tổ chức thực hiện đạt hiệu quả Kế hoạch giáo dục của nhà trường theo điều kiện hiện có và nhu cầu thực tế của học sinh. Đảm bảo thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học theo kế hoạch chung của nhà trường. Tận dụng tối đa điều kiện hiện có của nhà trường tổ chức các hoạt động củng cố, tăng cường và phát triển giáo dục theo quy định của nhà trường. Các hoạt động giáo dục tập thể phải phù hợp với nhu cầu của học sinh,

đáp ứng yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất của các em và đảm bảo an toàn đối với các em.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2022-2023 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Căn cứ Quyết định số 892/QĐ-UBND-HC ngày 10 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2022 - 2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp:

4.1. Ngày tựu trường và khai giảng năm học

a) Tựu trường

- Học sinh lớp 1 tựu trường ngày 22 tháng 8 năm 2022.
- Học sinh các lớp 2,3,4,5 tựu trường ngày 25 tháng 8 năm 2022.

b) Tổ chức hoạt động “Sinh hoạt học đường”: Từ ngày 29 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022 (có văn bản hướng dẫn riêng).

c) Khai giảng năm học: tổ chức khai giảng năm học lúc 07 giờ 30 phút, thứ Hai, ngày 05 tháng 9 năm 2022.

4.2. Ngày bắt đầu và kết thúc các học kỳ

a) Học kỳ I: Bắt đầu từ ngày 05 tháng 9 năm 2022, kết thúc trước ngày 15 tháng 01 năm 2023 (gồm, thời gian thực học, kiểm tra định kỳ cuối học kỳ và tổ chức các hoạt động giáo dục khác).

b) Học kỳ II: Bắt đầu từ sau khi kết thúc học kỳ I, kết thúc trước ngày 25 tháng 5 năm 2023 (gồm, thời gian thực học, kiểm tra định kỳ cuối năm học và tổ chức các hoạt động giáo dục khác).

c) Kết thúc năm học: Trước ngày 31 tháng 5 năm 2023.

- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 15 tháng 6 năm 2022.

- Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

- Thực hiện Hướng dẫn số 648/SGDDĐT-GDTH, ngày 9 tháng 6 năm 2020 của Sở GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học kể từ năm 2020-2021:

+ Sinh hoạt chuyên môn cấp tổ: thực hiện theo Điều lệ trường tiểu học (2 tuần/lần).

+ Sinh hoạt chuyên môn cấp trường: ít nhất 1 lần/tháng.

+ Sinh hoạt chuyên môn cấp cụm trường: ít nhất 1 lần/học kì.

- Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

*** Tại Trường Tiểu học Bình Phú thời gian thực hiện chương trình năm học 2022 - 2023 cụ thể như sau:**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học của các khối lớp 1, 2, 3, 4, 5.

(Phụ lục 1.4 kèm theo)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục các khối lớp

- **Đối với khối lớp 1** *(Phụ lục 2.1)*

- **Đối với khối lớp 2** *(Phụ lục 2.2)*

- **Đối với khối lớp 3** *(Phụ lục 4.3)*

- **Đối với khối lớp 4** *(Phụ lục 2.4)*

- **Đối với khối lớp 5** *(Phụ lục 2.5)*

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

- Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 và các hướng dẫn của Bộ GDĐT quy định về điều kiện đảm bảo thực hiện CTGDPT 2018, thực hiện rà soát, đánh giá lại điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch, lộ trình sửa chữa, nâng cấp, bổ sung điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo điều kiện thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 đối với lớp 1, 2 và 3. Đặc biệt chú ý điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo tối đa các cơ sở giáo dục đủ điều kiện thực hiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo quy định tại CTGDPT 2018.

- Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, phòng học đảm bảo điều kiện dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục trong năm học, các công việc cụ thể thực hiện ngay đầu năm học.

- Hợp đồng thực hiện bảo trì 2 phòng máy tính và các máy tính văn phòng nhằm đảm bảo cho hoạt động giảng dạy và phục vụ công tác văn phòng.

- Rà soát, bổ sung thiết bị dạy học từng khối lớp, bổ sung các đầu sách cần thiết cho thư viện, trang bị thêm các thiết bị dạy học hiện đại đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nâng cao tay nghề của GV. Trong đó tập trung dành kinh phí cho việc mua thêm 300 đầu sách cho thư viện; trang bị, sửa chữa mua sắm thêm thiết bị dạy học (bị hư hỏng, thiếu bộ) phục vụ cho các khối lớp 4, 5;

- Chỉnh trang, cải tạo vườn trường, vườn thuốc nam, tổ chức các hoạt động trải nghiệm và giáo dục cho HS, cụ thể: Phân công các lớp học phụ trách khu

vực trồng và chăm sóc cây xanh, hoa kiểng... ở 2 điểm trường. Tổng kinh phí dự trù là 40 triệu đồng, chi từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị và kinh phí xã hội hóa.

- Tiếp tục cải thiện cảnh quang sư phạm, xanh hóa phòng học, phòng làm việc, nâng cao các tiêu chí “Trường học an toàn”, “Trường Xanh - Sạch - Đẹp”, “Trường học thân thiện - học sinh tích cực” tại đơn vị: Giao cho GVCN, GV-Tổng phụ trách Đội các lớp và học sinh thực hiện trong phòng học, các khuôn viên ngoài phòng học do đội ngũ thầy cô giáo cùng chính trang, cải tạo theo thiết kế. Tổng kinh phí dự trù là 50 triệu đồng, chi từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của đơn vị và kinh phí xã hội hóa.

- Đơn vị sẽ tranh thủ tối đa các nguồn đóng góp, ủng hộ tiếp tục cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất nhà trường. Đầu tư trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới, thực hiện dạy học trực tuyến trong điều kiện phòng, chống dịch covid-19 và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức 2.

2. Thực hiện công tác đội ngũ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023

- Đảm bảo đội ngũ GV, NV và CBQL đủ về số lượng, đạt chuẩn về trình độ đào tạo, đáp ứng các vị trí việc làm trong đơn vị.

- Phân công chuyên môn cho GV, NV và CBQL phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023. Trong đó, chú trọng đến việc lựa chọn những giáo viên được tập huấn chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, có năng lực, tay nghề vững vàng phân công dạy lớp 1, lớp 2 và lớp 3.

- Tiếp tục bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để GV, NV, CBQL nâng cao trình độ đào tạo, lý luận chính trị, nâng cao chất lượng chuẩn nghề nghiệp của đội ngũ.

- Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực còn hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018.

- Kiểm tra đánh giá chất lượng đội ngũ GV, NV và CBQL đảm bảo khách quan, công bằng, làm cơ sở thực hiện hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, tạo động lực làm việc cho đội ngũ.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc nền nếp, kỷ cương, quy chế chuyên môn trong đơn vị.

- Đẩy mạnh tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài dạy theo Hướng dẫn số 648/SGDĐT-GDTH, ngày 9 tháng 6 năm 2020 của Sở

GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học kể từ năm 2020 - 2021, đa dạng hóa nội dung, hình thức tổ chức sinh hoạt chuyên môn, kịp thời hỗ trợ và tháo gỡ những khó khăn của GV trong giảng dạy đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình GDPT.

- CBQL, GV tích cực tham gia các lớp tập huấn chuyên môn đầy đủ, nghiêm túc, vận dụng những nội dung được tập huấn vào công tác quản lý, giảng dạy đạt hiệu quả. Thực hiện bồi dưỡng thường xuyên đúng quy định, nâng cao được năng lực quản lý, giảng dạy của CBQL và GV.

- Thực hiện thành công CTGDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2 và lớp 3 trong năm học 2022 - 2023, chủ động chuẩn bị các điều kiện cho lớp 4 trong năm học 2023 - 2024.

4. Tăng cường thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục

- Tích cực thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá HS theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực người học. Từng bước thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Vận động cha mẹ học sinh tham gia đóng quỹ học 2 buổi/ngày đạt chỉ tiêu 90% trở lên. Từ đó góp phần bồi dưỡng chế độ cho giáo viên dạy 2 buổi/ngày góp phần nâng cao chất lượng buổi học thứ 2 trong ngày.

- Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, tổ chức triển khai bồi dưỡng HS năng khiếu, kèm cặp HS còn khó khăn trong học tập, hỗ trợ HS khuyết tật học hòa nhập. Định kỳ hằng tháng, Ban giám hiệu, các tổ trưởng chuyên môn thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình và kết quả kèm cặp HS còn khó khăn trong học tập, HS khuyết tật học hòa nhập; kịp thời hỗ trợ GV trong công tác bồi dưỡng, kèm cặp và giúp đỡ HS.

- Cam kết và thực hiện có hiệu quả chủ trương “Dạy thật - Học thật - Chất lượng thật”, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục của đơn vị.

- Tổ chức các hội thảo, hội giảng chuyên môn với những nội dung gần gũi, thiết thực, mang tính cấp thiết, kịp thời hỗ trợ GV, CBQL hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn trong năm học.

- Xây dựng và duy trì phong trào thi đua về chuyên môn trong nhà trường, tích cực tham gia giao lưu chuyên môn trong và ngoài đơn vị.

- Phát động và tổ chức bài bản, đạt hiệu quả các phong trào, hội thi trong đơn vị. Tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào, hội thi do cấp trên phát động và tổ chức.

- Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra nội bộ trong đơn vị, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc CBQL, GV khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Định

kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn trong từng tổ và đơn vị, kịp thời điều chỉnh kế hoạch và hỗ trợ GV tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

5. Đổi mới công tác quản trị chuyên môn

- Đổi mới công tác quản trị trường học, phát huy vai trò chủ động, linh hoạt, sáng tạo của đội ngũ CBQL, GV, NV trong thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm phục vụ công tác quản lý, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục: EMIS, cơ sở dữ liệu, sổ liên lạc điện tử, họp trực tuyến, tập huấn trực tuyến, dạy học trực tuyến, bài giảng điện tử, kỹ thuật soi bài, nhóm Zalo chung trao đổi công việc,...

- Khuyến khích GV, CBQL tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện, phê duyệt và lưu trữ hồ sơ sổ sách chuyên môn của GV.

- Tạo môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện, đảm bảo mọi chế độ chính sách, động viên khen thưởng kịp thời đối với GV, NV và CBQL.

6. Công tác khác

6.1. Công tác phổ cập giáo dục, duy trì sĩ số

- Tiếp tục có biện pháp phối hợp với các ban ngành, đoàn thể để thực hiện tốt việc huy động học sinh vào lớp 1 và duy trì tốt sĩ số học sinh trong độ tuổi ra lớp. Rà soát kịp thời ngay từ đầu năm các trường hợp chưa ra lớp để kết hợp các đoàn thể trong việc vận động học sinh ra lớp đảm bảo chỉ tiêu; không để học sinh nào trong địa bàn chưa ra lớp trong năm học này. Giữ vững và nâng cao chất lượng PCGDTH ĐĐT, hạn chế thấp nhất số học sinh lưu ban sau kiểm tra bổ sung; duy trì và nâng cao hiệu suất đào tạo. Duy trì đạt chuẩn phổ cập mức 3.

- Chỉ tiêu:

- + Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% .
- + Tỷ lệ duy trì sĩ số 99,5 % trở lên, nghỉ bỏ học không quá 1%.
- + Tiếp tục duy trì chuẩn phổ cập GDTH-XMC năm 2021 và những năm tiếp theo.
- + Hiệu quả đào tạo 5 năm đạt 95 % trở lên.

6.2. Công tác phối hợp với các đoàn thể, tổ chức trong và ngoài nhà trường

- Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Chi hội khuyến học trong nhà trường, Ban đại diện CMHS chăm lo xây dựng nhà trường lớn mạnh. Xây dựng phong trào Đội vững mạnh. Tổ chức thực hiện tốt chương trình rèn luyện đội viên. Củng cố và phát triển phong trào sinh hoạt sao Nhi đồng.

- Tiếp tục thực hiện phong trào nuôi heo đất gây quỹ khuyến học. Mỗi năm học mỗi lớp nuôi ít nhất 1 con heo đất. Tổ chức mổ heo sơ kết, tổng kết, sử dụng hiệu quả nguồn quỹ nuôi heo đất.

- Tổ chức đại hội ban đại diện cha mẹ học sinh lớp đến trường. Đảm bảo Ban đại diện hoạt động có hiệu quả tốt. Tổ chức họp lệ phụ huynh định kỳ 3 lần/năm.

- Phối hợp với các tổ chức xã hội, các đoàn thể ấp, xã cùng chăm lo xây dựng nhà trường. Tranh thủ mọi sự hỗ trợ của Chi bộ, Đảng ủy, chính quyền địa phương trong việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.

- Chỉ tiêu:

+ Thực hiện theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 về ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

+ Trên 90% cha mẹ học sinh tham dự phiên họp CMHS đầu năm học ở từng lớp.

+ 90% đại biểu CMHS các lớp tham dự Đại hội đại biểu CMHS năm học 2022 - 2023.

+ Công tác xã hội hoá vận động trên tinh thần tự nguyện để hỗ trợ học sinh nghèo, cận nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khen thưởng cuối năm và hỗ trợ CSVC nhà trường.

6.3. Công tác tham gia các loại hình bảo hiểm

- Tuyên truyền vận động học sinh, CMHS tham gia tốt các loại hình bảo hiểm. Coi đây là nhiệm vụ cần thiết và mang lại hiệu quả.

- Chỉ tiêu:

+ Tỷ lệ học sinh tham gia BHYT: 100 % học sinh tham gia bảo hiểm Y tế.

+ Tỷ lệ học sinh tham gia BHTN phấn đấu đạt 95% trở lên.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Phân công nhiệm vụ

1.1. Hiệu trưởng

Xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục của đơn vị; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường.

Ban hành quyết định thành lập các tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Phân công GV chủ nhiệm lớp, GV phụ trách môn học, các bộ phận có liên quan thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ về chuyên môn và các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ trong đơn vị.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở các tổ chuyên môn đề tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

1.2. Phó Hiệu trưởng

Triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Xây dựng thời khóa biểu các lớp phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, đảm bảo dạy học không quá 7 tiết/ngày, 9-10 buổi /tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng HS năng khiếu, kèm cặp HS còn khó khăn trong học tập, hỗ trợ HS khuyết tật học hòa nhập; kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động đúng theo Điều lệ trường tiểu học và Hướng dẫn số 648/SGDĐT-GDTH, ngày 9 tháng 6 năm 2020 của Sở GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học kể từ năm 2020 - 2021. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo, thao – hội giảng cấp trường theo quy chế chuyên môn.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở các tổ chuyên môn đề tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

1.3. Tổ trưởng chuyên môn

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của tổ, chịu trách nhiệm trước Ban giám hiệu về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của tổ.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo thương nghiên cứu bài học, đổi mới phương pháp dạy học, lựa chọn nội dung dạy học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Tổ chức các tiết thao giảng, dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy trong tổ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên trong tổ.

Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình và kết quả kèm cặp HS còn khó khăn trong học tập, HS khuyết tật học hòa nhập trong tổ; kịp thời hỗ trợ GV trong công tác bồi dưỡng, kèm cặp và giúp đỡ HS.

Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục và các hoạt động của tổ.

Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

1.4. Tổng phụ trách đội

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm được phân công phụ trách theo Kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Phối hợp với GV chủ nhiệm, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường.

1.5. Giáo viên chủ nhiệm

Thực hiện tốt công tác giảng dạy và giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh đúng quy chế chuyên môn nhà trường.

Quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn theo quy định.

Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục lớp mình phụ trách.

Tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia các hoạt động chuyên môn của tổ, của trường. Tăng cường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất HS. Tìm tòi, nghiên cứu và vận dụng có hiệu quả các nội dung chuyên môn được tập huấn, bồi dưỡng vào quá trình dạy học. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học và hồ sơ sổ sách cá nhân.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường.

1.6. Giáo viên phụ trách môn học

Thực hiện tốt công tác giảng dạy và giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học môn học mình phụ trách; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh đúng quy chế chuyên môn nhà trường.

Quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do mình phụ trách; tham gia các hoạt động chuyên môn theo quy định.

Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục môn học mình phụ trách.

Tích cực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia các hoạt động chuyên môn của tổ, của trường. Tăng cường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất HS. Tìm tòi, nghiên cứu và vận dụng có hiệu quả các nội dung chuyên môn được tập huấn, bồi dưỡng vào quá trình dạy học. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học và hồ sơ sổ sách cá nhân.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lí giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường.

1.7. Nhân viên

1.7.1. Nhân viên thư viện - thiết bị

a) Thư viện

Tổ chức các hoạt động của thư viện theo quy định.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, đồng thời góp phần triển khai Kế hoạch giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả.

Phối hợp với GV chủ nhiệm, GV phụ trách môn học triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường có liên quan đến thư viện, thiết bị.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về mua sắm, bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên phục vụ thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường đạt hiệu quả cao hơn.

b) Thiết bị

Tổ chức các hoạt động của thiết bị theo quy định.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thiết bị, đồng thời góp phần triển khai Kế hoạch giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả.

Phối hợp với GV chủ nhiệm, GV phụ trách môn học triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục của nhà trường có liên quan đến thiết bị.

Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về kế hoạch tổ chức tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên.

Tham mưu với lãnh đạo nhà trường về mua sắm, bổ sung, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên phục vụ thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường đạt hiệu quả cao hơn.

1.7.2. Nhân viên Văn thư

- Giữ con dấu theo phân công; cập nhật, lưu công văn đi, đến theo quy định (sổ sách, trên máy vi tính); sắp xếp công văn khoa học, ngăn nắp dễ tìm; cập nhật hồ sơ đầy đủ, chính xác; Bảo quản tốt các loại hồ sơ của nhà trường; lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Nghị định số: 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 Về công tác văn thư.

- Xây dựng kế hoạch tổ văn phòng thực hiện trong năm đạt hiệu quả.

- Cập nhật kịp thời, chính xác, đầy đủ các yêu cầu của từng loại công văn theo qui định.

- Kiểm tra công tác Văn thư theo qui định.

- Theo dõi các công văn đến, mail hoặc in sao gửi đến các bộ phận thực hiện. Đóng dấu công văn đi, đến và tổng hợp thành quyển để kiểm tra dễ dàng.

- Nhân viên phụ trách Văn thư phải chịu trách nhiệm về con dấu; hồ sơ đi, đến.

- 100% công văn đến được giải quyết và báo cáo kịp thời đến các bộ phận.

- Công tác văn thư hàng năm đạt tốt.

- Lưu trữ hồ sơ đúng quy định.

1.7.3. Nhân viên Y tế học đường - Thủ quỹ

- Tuyên truyền, vận động học sinh tham gia BHYT, BHTN.

- Đăng ký khám sức khỏe ban đầu cho học sinh.

- Tổ chức sinh hoạt cho các em những hiểu biết cơ bản về các bệnh học đường như cận thị, cong vẹo cột sống, béo phì,...các bệnh hay lây: đau mắt, quai bị, Rubella, Bệnh tay, chân, miệng; sốt xuất huyết; tuyên truyền về HIV/AIDS. Tìm hiểu và phòng ngừa dịch bệnh Covid 19.

- Thành lập ban sức khỏe trong trường học.

- Xây dựng tủ thuốc sơ cấp cứu cho học sinh 2 điểm.
- Thường xuyên kiểm tra vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, căn tin (có biên bản cụ thể cho các lần kiểm tra).
- Nhân viên bán căn tin ở đơn vị đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, có giấy khám sức khỏe định kỳ (CB Y tế kiểm tra).
- Sinh hoạt cho học sinh ý thức giữ gìn vệ sinh chung cũng như vệ sinh cá nhân.
- Kết hợp với bộ phận kế toán nhà trường trong việc sử dụng và quyết toán kinh phí bảo hiểm y tế để lại cho nhà trường có hiệu quả và kịp thời.
- Trang phục đúng quy định khi thực hiện công việc.
- Tổ chức khám sức khỏe cho học sinh theo định kỳ.

1.7.4. Nhân viên Kế toán

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách của cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Xây dựng dự toán kinh phí, quyết toán theo đúng chế độ qui định, chính xác. Kế toán cùng Hội đồng nâng lương xét nâng lương thường xuyên và trước niên hạn đúng qui định.
- Báo cáo tăng, giảm biên chế nhân sự theo qui định về BHXH huyện hàng tháng. Cập nhật sổ sách, chứng từ thu, chi đúng quy định. Lập kế hoạch chi tiêu nội bộ năm 2023.
- Hướng dẫn, nhắc nhở các bộ phận thực hiện quyết toán đúng thời gian.
- Báo cáo công khai tài chính hàng tháng, định kỳ hàng quý; thực hiện tốt 3 công khai.
- Tham gia kiểm kê tài sản, cập nhật, báo cáo tăng giảm tài sản theo quy định.
- Báo cáo chính xác, đúng mẫu, kịp thời.

1.7.5. Nhân viên bảo vệ, Nhân viên tạp vụ

Thực hiện theo các nội dung ghi trong hợp đồng và nội quy nhà trường.

2. Công tác kiểm tra

Thực hiện đầy đủ các loại hình kiểm tra nội bộ như kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên; kiểm tra chuyên đề; kiểm tra hoạt động của các Tổ chuyên môn, các bộ phận.

Qua kiểm tra nội bộ đánh giá đúng thực trạng, chỉ rõ những ưu, khuyết điểm của giáo viên để kịp thời động viên, nhắc nhở, xử lý, khắc phục, giúp giáo viên nhận ra từng điểm mạnh, điểm yếu của mình để tăng cường hoạt động tự kiểm tra, tự bồi dưỡng một cách hiệu quả và thiết thực.

Việc tổ chức kiểm tra nội bộ phải đúng quy trình, đảm bảo tính công khai, dân chủ, chính xác, trung thực, khách quan, kịp thời, không trùng lặp, không làm cản trở hoạt động bình thường của bộ phận, cá nhân được kiểm tra và phải thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra.

3. Chế độ báo cáo

Cập nhật kịp thời các hoạt động, thông tin của trên Website của trường.

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất cho Phòng Giáo dục - Đào tạo Tân Hồng.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2022-2023 của Trường Tiểu học Bình Phú. Đề nghị CB-GV-NV có liên quan tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng theo kế hoạch của nhà trường đã đề ra./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Tân Hồng (thay báo cáo);
- Đảng ủy, UBND xã (thay báo cáo);
- CB-GV-NV (thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thi

